

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 251/2017/HSPT

Ngày: 28 - 8 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Doãn Đình Quyền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bằng và ông Trần Duy Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đình Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 28/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 236/2017/HSPT ngày 26/7/2017 đối với bị cáo Trịnh Minh T về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo Trịnh Minh T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 106/2017/HSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **TRỊNH MINH T** (Tên gọi khác: T); Sinh năm 1986, Tại: tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Nguyễn Công T, tổ dân phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trịnh Minh Đ- Sinh năm 1961, con bà Hoàng Thị G- Sinh năm 1967; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại, hiện có mặt tại phiên tòa.

Nhân thân: Tại quyết định số: 011335/QĐ-XPHC ngày 03 tháng 5 năm 2013 Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

Ngoài ra, còn có 01 bị cáo không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột và bản án hình sự sơ thẩm số 106/2017/HSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17^h ngày 29/10/2016, anh Lê Trọng M, trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, điều khiển xe ô tô tải nhãn hiệu ISUZU, biển số: 47C-129.75 (Xe do anh Lê Đức Q, trú tại: Thôn E, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, đứng tên chủ sở hữu), chở theo anh Nguyễn Sỹ P và Nguyễn Sỹ M cùng trú tại: xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) đi từ huyện K, tỉnh Đắk Nông về thành phố B. Khi xe đi tới Cầu Trắng, đường L, thành phố B, thì xảy ra mâu thuẫn trong quá trình lưu thông với xe mô tô biển số: 47B1-129.92, do Phạm Văn H điều khiển chở theo Trịnh Minh T. Lúc này, anh Nguyễn Sỹ P ngồi trong xe ô tô chở H và T thì H bực tức điều khiển xe mô tô chạy vượt lên dừng ở giữa ngã ba đường L - Đ, p, thành phố B, chặn xe tải biển số: 47C-129.75 lại. Sau đó, H cùng T chạy qua bên phải đường L nhặt đá loại (4x6)cm với mục đích ném, đập bể kính xe ô tô biển số: 47C-129.75, H cầm 03 cục đá trên tay đập mạnh 01 cục vào tấm cửa kính bên phụ của xe làm tấm kính bể nát rơi xuống đường, đá văng vào bên trong xe, H tiếp tục đập 01 cục đá vào gương chiếu hậu bên phụ làm bể kính và dùng tay kéo anh Nguyễn Sỹ P xuống xe để đánh nhưng không được nên H cầm 01 cục đá còn lại trên tay ném vào người anh P nhưng không trúng. Còn Trịnh Minh T tay cầm 02 cục đá ném 01 cục vào kính chắn gió phía trước xe làm kính bị bể, cục đá còn lại T đập liên tiếp nhiều cái vào kính chắn gió làm kính bị nứt nhưng vẫn dính lại vì có keo dán bên trong. Lúc này có 02 nam thanh niên (Không rõ họ tên, địa chỉ) là bạn ngoài xã hội của H đến can ngăn nên H và T dừng lại, H dắt xe mô tô vào bên phải lề đường, thấy vậy anh Lê Trọng M liền điều khiển xe ô tô chở anh P và anh M chạy lên đậu trước cây xăng cách ngã ba đường L - Đ khoảng 50m. H và T tiếp tục dùng xe mô tô chạy đến trước cây xăng và dừng lại nhặt đá bên đường, H cầm 02 cục đá trên tay ném vào trong xe qua kính chắn gió làm bể kính chiếu hậu phía sau cabin xe, còn T cầm 02 cục đá ném và đập nhiều cái vào kính chắn gió đã bị bể trước đó. Do bạn của H tiếp tục chạy đến can ngăn nên H lấy xe mô tô biển số: 47B1-129.92 chở T bỏ đi về. Sau khi sự việc xảy ra, anh L đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Tại cơ quan điều tra bị cáo Phạm Văn H và Trịnh Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 264/KLĐG ngày 12/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, kết luận giá trị thay thế kính chính hiệu của xe ô tô nhãn hiệu ISURU, tải trọng 1,9 tấn, biển số: 47C-129.75, cụ thể như sau: 01 kính chắn gió trước, trị giá: 1.450.000 đồng; 01 kính cửa bên phụ, trị giá: 550.000 đồng; 01 kính chiếu hậu, trị giá: 400.000 đồng; 01 kính cabin sau, trị giá: 850.000 đồng. Tổng giá trị tài sản hư hỏng: 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi ngàn) .

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 106/2017/HSST ngày 12/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Tuyên bố: Trịnh Minh T phạm tội: “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b, điểm g, điểm h, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự(BLHS);

Xử phạt: **Trịnh Minh T 01 (Một)** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn H, quyết định về xử lý vật chứng, về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/6/2017,Trịnh Minh T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩmTrịnh Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của Trịnh Minh T và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Trịnh Minh T về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 143 BLHS là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với Trịnh Minh T là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội bị cáoTrịnh Minh T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và nhà nước ta, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 BLTTHS đề nghị Hội đồng xét xử(HĐXX) chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát và giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo.

Bị cáo Trịnh Minh T không tranh luận gì, chỉ đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

[1] Xét lời khai của Trịnh Minh T tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 17^h ngày 29/10/2016 do mâu thuẫn trong quá trình lưu thông

đường bộ, Phạm Văn H và Trịnh Minh T đã dùng đá ném, đập bể 04 tấm kính chiếc xe ô tô của anh Lê Đức Q với tổng giá trị thiệt hại là 3.250.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử Trịnh Minh T về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*” theo khoản 1 Điều 143 BLHS là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét mức hình phạt 01 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo Trịnh Minh T là thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[3] Tuy nhiên việc Tòa án cấp sơ thẩm bắt bị cáo cách ly ngoài xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo có nơi cư trú ổn định rõ ràng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ như: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS, tuy bị cáo đã bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự tại quyết định số: 011335/QĐ-XPHC ngày 03 tháng 5 năm 2013 của Công an phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nhưng theo mục b8 điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, về việc hướng dẫn áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự về án treo thì tính từ thời gian bị cáo T được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính (ngày 07/5/2013) đến ngày phạm tội lần này đã quá 18 tháng. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát và giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình bị cáo.

[4] Về án phí: Do đơn kháng cáo được chấp nhận nên Trịnh Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm đ khoản 1 Điều 249 BLTTHS.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Minh T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 143; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt: Trịnh Minh T **01** (Một) năm tù, về tội “*Cố ý làm hư hỏng tài sản*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là nơi bị cáo thường trú giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

+ Về án phí: Trịnh Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Công an Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- T.H.A hình sự Công an Tp. B;
- UBND phường T, Tp. B;
- Dương sự;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Đình Quyền

